

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4-HƯNG YÊN**

Số: 13/2026/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hưng Yên, ngày 10 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HƯNG YÊN**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 173/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị Ma Thị Bích T, sinh năm: 1988

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1984

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã N, tỉnh Hưng Yên.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** (con chung của chị T và anh T1):

- Cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày: 01/12/2010

- Cháu Nguyễn Tiến D1, sinh ngày: 12/03/2012

- Cháu Nguyễn Cao B, sinh ngày: 05/01/2015

Người đại diện theo pháp luật cho cháu D, cháu D1 và cháu B: Anh Nguyễn Văn T1 – Bố đẻ và chị Ma Thị Bích T – Mẹ đẻ.

Cùng địa chỉ: Thôn G, xã N, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ma Thị Bích T và anh Nguyễn Văn T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị Bích T và anh Nguyễn Văn T1 thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Ma Thị Bích T và anh Nguyễn Văn T1 đều xác nhận anh, chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 01/12/2010, cháu Nguyễn Tiến D1, sinh ngày 12/03/2012 và cháu Nguyễn Cao B, sinh ngày 05/01/2015.

Chị T và anh T1 thỏa thuận giao cả 03 con chung của anh chị là cháu D, cháu D1 và cháu B cho anh T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: anh T1 và chị T xác định anh chị không có gì chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Ma Thị Bích T tự nguyện chịu 150.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003782 ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân gai đình sơ thẩm. Trả lại chị T số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND tỉnh Hưng Yên
- VKSND khu vực 4 – Hưng Yên
- THADS tỉnh Hưng Yên
- UBND xã N (ĐK kết hôn số 108 ngày 08/12/2009)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị M

